

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố Danh mục 05 quy trình nội bộ, liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Danh mục 12 thành phần hồ sơ phải số hoá của 05 thủ tục hành chính và Danh mục 02 thủ tục hành chính tái sử dụng trong lĩnh vực quốc tịch thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;*

*Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hoá hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 87/QĐ-BTP ngày 17 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quốc tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;*

*Căn cứ Quyết định số 154/QĐ-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc công bố Danh mục 05 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quốc tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang.*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 05 quy trình nội bộ, liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính, Danh mục 12 thành phần hồ sơ phải số hoá của 05 thủ tục hành chính và Danh mục 02 thủ tục hành chính tái sử dụng trong lĩnh vực quốc tịch thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang (có Phụ lục chi tiết I, II, III kèm theo).

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Sở Tư pháp thực hiện các nhiệm vụ sau:

1.1. Công khai Quyết định này trên Trang thông tin điện tử của Sở và công khai các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. **Thời gian hoàn thành trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.**

1.2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan hoàn thiện quy trình điện tử đối với các quy trình thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Tuyên Quang. **Thời gian hoàn thành trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.**

1.3. Cấu hình bắt buộc Danh mục 12 thành phần hồ sơ phải số hoá nêu tại Điều 1 Quyết định này trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Tuyên Quang. **Thời gian hoàn thành trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.**

1.4. Thực hiện số hóa thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; tái sử dụng thông tin, dữ liệu thủ tục hành chính khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.

2. Sở Thông tin và Truyền thông:

2.1. Đảm bảo về kỹ thuật trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh và chỉ đạo Viễn thông Tuyên Quang cử cán bộ kỹ thuật thường xuyên hỗ trợ các cơ quan, đơn vị trong quá trình triển khai, thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Quyết định này.

2.2. Kịp thời báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh những vướng mắc hoặc đề xuất giải pháp khắc phục, nâng cao tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình; số hóa, tái sử dụng thông tin, dữ liệu thủ tục hành chính (nếu có).

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và bãi bỏ các nội dung nêu tại Điều 1 Quyết định này đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố trước đây theo quy định.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, Ngành và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC); (báo cáo)
- Bộ Tư pháp; (báo cáo)
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 4; (thực hiện)
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Bưu điện tỉnh;
- Viễn thông Tuyên Quang;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh; (đăng tải)
- Công báo tỉnh; (đăng tải)
- P. Nội chính (đ/c Loan);
- Lưu: VT, THCBKS (Huyện).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hoàng Việt Phương**

**PHỤ LỤC I**  
**DANH MỤC 05 QUY TRÌNH NỘI BỘ, LIÊN THÔNG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC QUỐC TỊCH**  
**THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYỀN QUANG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 395/QĐ-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyền Quang)*

**I. QUY TRÌNH NỘI BỘ (01 quy trình)**

**1. Cấp giấy xác nhận là người gốc Việt Nam**

- Thời gian thực hiện 05 ngày; cắt giảm thời gian giải quyết, còn 4,5 ngày.

Thứ tự các bước thực hiện (Tổng bước)	Nội dung các bước thực hiện	Thời gian thực hiện (Tổng số ngày/giờ thực hiện)	Bộ phận giải quyết
Bước 1	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; chuyển đến Phòng Nghiệp vụ 2 xử lý	12 giờ	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh (Quầy tiếp nhận và trả kết quả Sở Tư pháp)
Bước 2	Thẩm định, kiểm tra, đối chiếu cơ sở dữ liệu, tài liệu có liên quan đến quốc tịch (nếu có), ghi vào Sổ cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam; soạn thảo Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam hoặc văn bản từ chối	02 ngày	Phòng Nghiệp vụ 2, Sở Tư pháp
Bước 3	Xem xét, ký duyệt Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam hoặc văn bản từ chối	1,5 ngày	Lãnh đạo Sở Tư pháp
Bước 4	Vào sổ văn bản, đóng dấu, lưu trữ, phát hành văn bản	12 giờ	Văn thư Sở Tư pháp
<b>5 bước</b>	<b>Tổng thời gian giải quyết</b>		<b>4,5 ngày</b>

## II. QUY TRÌNH LIÊN THÔNG LĨNH VỰC QUỐC TỊCH (04 quy trình)

### 1. Nhập quốc tịch Việt Nam

- Thời gian thực hiện 115 ngày/ngày làm việc; cắt giảm thời gian giải quyết còn 110 ngày/ngày làm việc.

Các bước thực hiện (Tổng bước)	Nội dung các bước thực hiện	Bộ phận giải quyết	Thời gian thực hiện các bước	Thời gian thực hiện tại từng cơ quan	Cơ quan thực hiện
Bước 1	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; chuyển đến Phòng Nghiệp vụ 2 xử lý	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh (Quầy Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Tư pháp)	04 giờ làm việc	03 ngày làm việc	Sở Tư pháp
Bước 2	Thẩm định, kiểm tra hồ sơ, soạn thảo Văn bản đề nghị Công an tỉnh xác minh nhân thân của người xin nhập quốc tịch Việt Nam trình Lãnh đạo sở ký, gửi Công an tỉnh.	Phòng Nghiệp vụ 2	01 ngày làm việc		
Bước 3	Xem xét, ký duyệt Văn bản chuyển Văn thư phát hành	Lãnh đạo Sở Tư pháp	01 ngày làm việc		
Bước 4	Phát hành văn bản	Văn thư Sở Tư pháp	04 giờ làm việc		
Bước 5	Kiểm tra, xác minh nhân thân của người xin nhập quốc tịch Việt Nam; gửi kết quả xác minh cho Sở Tư pháp	Phòng chuyên môn, Công an tỉnh	30 ngày	30 ngày	Công an tỉnh

<b>Các bước thực hiện</b> (Tổng bước)	<b>Nội dung các bước thực hiện</b>	<b>Bộ phận giải quyết</b>	<b>Thời gian thực hiện các bước</b>	<b>Thời gian thực hiện tại từng cơ quan</b>	<b>Cơ quan thực hiện</b>
Bước 6	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; chuyển đến Phòng Nghiệp vụ 2	Lãnh đạo Sở Tư pháp	04 giờ làm việc	05 ngày làm việc	Sở Tư pháp
Bước 7	Hoàn tất hồ sơ, xây dựng dự thảo Văn bản của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh về việc xem xét, kết luận và đề xuất ý kiến gửi Bộ Tư pháp	Phòng Nghiệp vụ 2	03 ngày làm việc		
Bước 8	Xem xét, ký duyệt Văn bản, chuyển Văn thư phát hành trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở Tư pháp	01 ngày làm việc		
Bước 9	Phát hành văn bản	Văn thư Sở Tư pháp	04 giờ làm việc		
Bước 10	Xem xét, kết luận và đề xuất ý kiến gửi Bộ Tư pháp	Văn phòng UBND tỉnh	10 ngày	10 ngày	UBND tỉnh
Bước 11	Kiểm tra lại hồ sơ, nếu xét thấy có đủ điều kiện nhập quốc tịch Việt Nam thì gửi thông báo bằng văn bản cho người xin nhập quốc tịch Việt Nam để làm thủ tục xin thôi quốc tịch nước ngoài, trừ trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam xin giữ quốc tịch nước ngoài hoặc là người không quốc tịch.	Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực, Bộ Tư pháp	20 ngày	20 ngày	Bộ Tư pháp

Các bước thực hiện (Tổng bước)	Nội dung các bước thực hiện	Bộ phận giải quyết	Thời gian thực hiện các bước	Thời gian thực hiện tại từng cơ quan	Cơ quan thực hiện
Bước 12	<p>Sau khi nhận được giấy xác nhận thôi quốc tịch nước ngoài của người xin nhập quốc tịch Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Tư pháp thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ ký Tờ trình đề nghị Chủ tịch nước xem xét, quyết định.</p> <p>Nếu xét thấy hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam chưa đầy đủ, người xin nhập quốc tịch chưa đáp ứng đủ điều kiện nhập quốc tịch Việt Nam, Bộ Tư pháp có văn bản thông báo cho UBND cấp tỉnh, đồng gửi Sở Tư pháp hướng dẫn người xin nhập quốc tịch bổ sung hồ sơ, hoàn thiện đủ điều kiện.</p> <p>Đối với trường hợp xin nhập quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài mà không có đủ giấy tờ chứng minh thuộc trường hợp đặc biệt theo quy định, Bộ Tư pháp có văn bản thông báo UBND cấp tỉnh để yêu cầu người đó tiến hành thôi quốc tịch nước ngoài.</p>	Bộ trưởng Bộ Tư pháp	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy xác nhận thôi quốc tịch nước ngoài của người xin nhập quốc tịch Việt Nam	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy xác nhận thôi quốc tịch nước ngoài của người xin nhập quốc tịch Việt Nam	Bộ Tư pháp
Bước 13	Tiếp nhận văn bản của Bộ Tư pháp (đối với trường hợp hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam chưa đầy đủ, người xin nhập quốc tịch chưa đáp ứng đủ điều kiện nhập quốc tịch Việt Nam)	Văn thư Sở Tư pháp	01 giờ làm việc		

<b>Các bước thực hiện</b> (Tổng bước)	<b>Nội dung các bước thực hiện</b>	<b>Bộ phận giải quyết</b>	<b>Thời gian thực hiện các bước</b>	<b>Thời gian thực hiện tại từng cơ quan</b>	<b>Cơ quan thực hiện</b>
Bước 15	Xử lý văn bản, chuyên Phòng Nghiệp vụ 2 xử lý	Lãnh đạo Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	02 ngày làm việc	Sở Tư pháp
Bước 16	Soạn thảo văn bản hướng dẫn người xin nhập quốc tịch bổ sung hồ sơ, hoàn thiện đủ điều kiện	Phòng Nghiệp vụ 2	04 giờ làm việc		
Bước 17	Ký duyệt văn bản	Lãnh đạo Sở Tư pháp	04 giờ làm việc		
Bước 18	Phát hành văn bản	Văn thư Sở Tư pháp	01 giờ làm việc		
Bước 19	- Chủ tịch nước xem xét, quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam - Văn phòng Chủ tịch nước gửi đăng công báo, Bộ Tư pháp đăng tải trên Trang thông tin điện tử Bộ Tư pháp	Văn phòng Chủ tịch nước	20 ngày	20 ngày	Chủ tịch nước
Bước 20	Thông báo cho Sở Tư pháp trường hợp đã đăng ký hộ tịch tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam trước đó để ghi chú hoặc hướng dẫn ghi chú vào sổ hộ tịch; thông báo cho Bộ Công an chỉ đạo cơ quan Công an có thẩm quyền cấp Hộ chiếu Việt Nam, <i>Thẻ Căn cước</i> , <i>Căn cước điện tử</i> cho người được nhập quốc tịch Việt Nam.	Bộ Tư pháp	10 ngày làm việc	10 ngày làm việc	Bộ Tư pháp



Các bước thực hiện (Tổng bước)	Nội dung các bước thực hiện	Bộ phận giải quyết	Thời gian thực hiện các bước	Thời gian thực hiện tại từng cơ quan	Cơ quan thực hiện
Bước 21	Sau khi nhận được bản sao Quyết định của Chủ tịch nước cho nhập quốc tịch Việt Nam gửi kèm thông báo của Bộ Tư pháp, UBND tỉnh chỉ đạo Sở Tư pháp tổ chức Lễ trao Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam.	Văn phòng UBND tỉnh	Không quy định thời gian giải quyết	Không quy định thời gian giải quyết	UBND tỉnh
Bước 22	Tổ chức trao Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam	Phòng Nghiệp vụ 2	Không quy định thời gian giải quyết	Không quy định thời gian giải quyết	Sở Tư pháp
<b>22 bước</b>	<b>Tổng thời gian giải quyết</b>		<b>110 ngày/ngày làm việc</b>		

### 3. Trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước

- Thời gian thực hiện 85 ngày/ngày làm việc; cắt giảm thời gian giải quyết, còn 82 ngày/ngày làm việc.

Thứ tự các bước thực hiện (Tổng bước)	Nội dung các bước thực hiện	Thời gian thực hiện (Tổng số ngày/giờ thực hiện)	Bộ phận giải quyết	Thứ tự các bước thực hiện (Tổng bước)	Nội dung các bước thực hiện
Bước 1	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; chuyển đến Phòng Nghiệp vụ 2 xử lý	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh (Quầy Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Tư pháp)	01 giờ làm việc	02 ngày làm việc	Sở Tư pháp
Bước 2	Thẩm định, kiểm tra hồ sơ, soạn thảo Văn bản đề nghị Công an tỉnh xác minh về nhân thân của người xin trở lại quốc tịch Việt Nam trình Lãnh đạo sở ký, gửi Công an tỉnh.	Phòng Nghiệp vụ 2	08 giờ làm việc		
Bước 3	Xem xét, ký duyệt Văn bản	Lãnh đạo Sở Tư pháp	06 giờ làm việc		
Bước 4	Phát hành văn bản	Văn thư Sở Tư pháp	01 giờ làm việc		
Bước 5	Kiểm tra, xác minh về nhân thân của người xin nhập quốc tịch Việt Nam; gửi kết quả xác minh cho Sở Tư pháp	Phòng chuyên môn, Công an tỉnh	20 ngày	20 ngày	Công an tỉnh
Bước 6	Tiếp nhận, xử lý văn bản	Văn thư Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	05 ngày làm việc	Sở Tư pháp

<b>Thứ tự các bước thực hiện</b> (Tổng bước)	<b>Nội dung các bước thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện</b> (Tổng số ngày/giờ thực hiện)	<b>Bộ phận giải quyết</b>	<b>Thứ tự các bước thực hiện</b> (Tổng bước)	<b>Nội dung các bước thực hiện</b>
Bước 7	Xử lý văn bản, chuyên Phòng nghiệp vụ 2 xử lý	Lãnh đạo Sở Tư pháp	04 giờ làm việc		
Bước 8	Xử lý hồ sơ, dự thảo Văn bản của UBND tỉnh xem xét kết luận, đề xuất ý kiến gửi Bộ Tư pháp về việc xin trở lại quốc tịch Việt Nam.	Phòng nghiệp vụ 2	03 ngày làm việc		
Bước 9	Xem xét, ký duyệt văn bản	Lãnh đạo Sở Tư pháp	01 ngày làm việc		
Bước 10	Phát hành văn bản	Văn thư Sở Tư pháp	02 giờ làm việc		
Bước 11	Xem xét kết luận, đề xuất ý kiến gửi Bộ Tư pháp	Văn phòng UBND tỉnh	05 ngày làm việc	05 ngày làm việc	UBND tỉnh
Bước 12	Kiểm tra, xem xét hồ sơ, thông báo cho người xin trở lại quốc tịch Việt Nam để làm thủ tục xin thôi quốc tịch nước ngoài trừ trường hợp xin giữ quốc tịch, người không quốc tịch	Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực, Bộ Tư pháp;	20 ngày	20 ngày	Bộ Tư pháp
Bước 13	Trình đề nghị Chủ tịch nước xem xét, quyết định việc xin nhập quốc tịch Việt Nam hoặc có văn bản thông báo UBND tỉnh bổ sung, hoàn thiện hồ sơ hoặc có văn bản lấy ý kiến của bộ, ngành liên quan đối với trường hợp hồ sơ phức tạp, liên quan đến an ninh chính trị	Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực, Bộ Tư pháp;	10 ngày	10 ngày	Bộ Tư pháp

<b>Thứ tự các bước thực hiện</b> (Tổng bước)	<b>Nội dung các bước thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện</b> (Tổng số ngày/giờ thực hiện)	<b>Bộ phận giải quyết</b>	<b>Thứ tự các bước thực hiện</b> (Tổng bước)	<b>Nội dung các bước thực hiện</b>
Bước 14	Chủ tịch nước xem xét, quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam	Văn phòng Chủ tịch nước	20 ngày	20 ngày	Văn phòng Chủ tịch nước
Bước 15	Văn phòng Chủ tịch nước gửi đăng công báo, Bộ Tư pháp đăng tải trên Trang thông tin điện tử Bộ Tư pháp	- Văn phòng Chủ tịch nước; - Tư pháp.	Không quy định thời gian giải quyết	Không quy định thời gian giải quyết	- Văn phòng Chủ tịch nước; - Bộ Tư pháp
Bước 16	Gửi văn bản thông báo và bản sao Quyết định cho UBND tỉnh nơi thụ lý hồ sơ để theo dõi, quản lý, thống kê; thông báo bằng văn bản cho Sở Tư pháp nơi đã đăng ký hộ tịch của người đó để ghi chú hoặc hướng dẫn ghi chú vào sổ hộ tịch; thông báo cho Bộ Công an chỉ đạo cơ quan Công an có thẩm quyền đăng ký cư trú, cấp Hộ chiếu Việt Nam, Căn cước công dân cho người được trở lại quốc tịch Việt Nam	Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực, Bộ Tư pháp;	Không quy định thời gian giải quyết	Không quy định thời gian giải quyết	Bộ Tư pháp
<b>16 bước</b>	<b>Tổng thời gian giải quyết</b>		<b>82 ngày/ngày làm việc</b>		

#### 4. Thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước

- Thời gian thực hiện 75 ngày; cắt giảm thời gian giải quyết còn 72 ngày.

<b>Thứ tự các bước thực hiện (Tổng bước)</b>	<b>Nội dung các bước thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện (Tổng số ngày/giờ thực hiện)</b>	<b>Bộ phận giải quyết</b>	<b>Thứ tự các bước thực hiện (Tổng bước)</b>	<b>Nội dung các bước thực hiện</b>
Bước 1	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; chuyển đến Phòng Nghiệp vụ 2 xử lý	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh (Quầy Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Tư pháp)	02 giờ làm việc	03 ngày làm việc	Sở Tư pháp
Bước 2	Kiểm tra, nghiên cứu hồ sơ, soạn thảo: (1) Văn bản Báo Tuyên Quang đăng thông báo về việc xin thôi quốc tịch Việt Nam trong 03 số liên tiếp. (2) Văn bản đề nghị Cục Công nghệ thông tin - Bộ Tư pháp đăng thông báo về việc xin thôi quốc tịch Việt Nam. (3) Văn bản đề nghị Công an tỉnh xác minh về nhân thân của người xin thôi quốc tịch Việt Nam.	Phòng Nghiệp vụ 2	1,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xem xét, ký duyệt Văn bản	Lãnh đạo Sở Tư pháp	01 ngày làm việc		
Bước 4	Phát hành văn bản	Văn thư Sở Tư pháp	02 giờ làm việc		
Bước 5	Xác minh, gửi kết quả bằng Văn bản cho Sở Tư pháp.	Phòng chuyên môn, Công an tỉnh	20 ngày		

<b>Thứ tự các bước thực hiện (Tổng bước)</b>	<b>Nội dung các bước thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện (Tổng số ngày/giờ thực hiện)</b>	<b>Bộ phận giải quyết</b>	<b>Thứ tự các bước thực hiện (Tổng bước)</b>	<b>Nội dung các bước thực hiện</b>
Bước 6	Xử lý văn bản	Văn thư Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	04 ngày làm việc	Sở Tư pháp
Bước 7	Xử lý văn bản, chuyển Phòng nghiệp vụ 2 xử lý	Lãnh đạo Sở Tư pháp	04 giờ làm việc		
Bước 8	Hoàn tất hồ sơ, xây dựng dự Văn bản trình UBND tỉnh xem xét kết luận và đề xuất ý kiến gửi Bộ Tư pháp về việc thôi quốc tịch Việt Nam	Phòng nghiệp vụ 2	02 ngày làm việc		
Bước 9	Xem xét, ký duyệt Văn bản	Lãnh đạo Sở Tư pháp	01 ngày làm việc		
Bước 10	Phát hành văn bản	Văn thư Sở Tư pháp	02 giờ làm việc		
Bước 11	Xem xét kết luận và đề xuất ý kiến gửi Bộ Tư pháp	Văn phòng UBND tỉnh	05 ngày	05 ngày	UBND tỉnh
Bước 12	Kiểm tra, xem xét hồ sơ; thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ Ký duyệt tờ trình đề nghị Chủ tịch nước xem xét, quyết định.	Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực, Bộ Tư pháp.	20 ngày	20 ngày	Bộ Tư pháp

<b>Thứ tự các bước thực hiện (Tổng bước)</b>	<b>Nội dung các bước thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện (Tổng số ngày/giờ thực hiện)</b>	<b>Bộ phận giải quyết</b>	<b>Thứ tự các bước thực hiện (Tổng bước)</b>	<b>Nội dung các bước thực hiện</b>
Bước 13	Chủ tịch nước xem xét, quyết định	Văn phòng Chủ tịch nước	20 ngày	20 ngày	Văn phòng Chủ tịch nước
Bước 14	Gửi đăng công báo, đăng tải Trang thông tin điện tử Bộ Tư pháp	- Văn phòng Chủ tịch nước; - Bộ Tư pháp.	Không quy định thời gian giải quyết	Không quy định thời gian giải quyết	- Văn phòng Chủ tịch nước; - Bộ Tư pháp
Bước 15	Gửi thông báo kèm bản sao Quyết định cho người được thôi quốc tịch, UBND cấp tỉnh nơi thụ lý hồ sơ; thông báo cho Sở Tư pháp nơi đã đăng ký hộ tịch của người được thôi quốc tịch để ghi chú hoặc hướng dẫn ghi chú; thông báo cho Bộ Công an	Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực, Bộ Tư pháp.	Không quy định thời gian giải quyết	Không quy định thời gian giải quyết	Bộ Tư pháp
<b>15 bước</b>	<b>Tổng thời gian giải quyết</b>		<b>72 ngày/ngày làm việc</b>		

### 5. Cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước

- Trường hợp có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam: Thời gian thực hiện 20 ngày làm việc; cắt giảm thời gian giải quyết còn 15 ngày làm việc.

- Trường hợp không có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam: Thời gian thực hiện 55 ngày làm việc; cắt giảm thời gian giải quyết còn 52 ngày làm việc.

Các bước thực hiện (Tổng bước)	Nội dung các bước thực hiện	Bộ phận giải quyết	Thời gian thực hiện các bước	Thời gian thực hiện tại từng cơ quan	Cơ quan thực hiện
<b>A- Trường hợp có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam</b>					
Bước 1	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; chuyển đến Phòng Nghiệp vụ 2 xử lý	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh (Quầy tiếp nhận và trả kết quả Sở Tư pháp)	02 giờ làm việc	03 ngày làm việc	Sở Tư pháp
Bước 2	Kiểm tra, xem xét hồ sơ; tra cứu hoặc soạn thảo Văn bản đề nghị Bộ Tư pháp tra cứu quốc tịch Việt Nam.	Phòng nghiệp vụ 2	1,5 ngày làm việc		
Bước 3	Ký duyệt Văn bản đề nghị Bộ Tư pháp tra cứu quốc tịch Việt Nam.	Lãnh đạo Sở Tư pháp	01 ngày làm việc		
Bước 4	Phát hành văn bản	Văn thư Sở Tư pháp	02 giờ làm việc		
Bước 5	Tra cứu và trả lời kết quả cho Sở Tư pháp	Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực, Bộ Tư pháp;	10 ngày làm việc	10 ngày làm việc	Bộ Tư pháp



<b>Các bước thực hiện (Tổng bước)</b>	<b>Nội dung các bước thực hiện</b>	<b>Bộ phận giải quyết</b>	<b>Thời gian thực hiện các bước</b>	<b>Thời gian thực hiện tại từng cơ quan</b>	<b>Cơ quan thực hiện</b>
Bước 6	Xử lý văn bản	Văn thư Sở Tư pháp	01 giờ làm việc	02 ngày làm việc	Sở Tư pháp
Bước 7	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; chuyển đến Phòng Nghiệp vụ 2 xử lý	Lãnh đạo Sở Tư pháp	02 giờ làm việc		
Bước 8	Ghi vào Sổ cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam và soạn thảo Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam	Phòng nghiệp vụ 2	06 giờ làm việc		
Bước 9	Xem xét, ký Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam	Lãnh đạo Sở Tư pháp	06 giờ làm việc		
Bước 10	Vào sổ văn bản, đóng dấu, chuyển kết quả tới Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy tiếp nhận và trả kết quả Sở Tư pháp để trả kết quả cho người yêu cầu)	Văn thư Sở Tư pháp	01 giờ làm việc		
<b>10 bước</b>	<b>Tổng thời gian giải quyết</b>		<b>15 ngày làm việc</b>		

Các bước thực hiện (Tổng bước)	Nội dung các bước thực hiện	Bộ phận giải quyết	Thời gian thực hiện các bước	Thời gian thực hiện tại từng cơ quan	Cơ quan thực hiện
<b><i>B- Trường hợp không có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam nhưng có giấy tờ làm cơ sở để xác định có quốc tịch Việt Nam</i></b>					
Bước 1	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; chuyển đến Phòng Nghiệp vụ 2 xử lý	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh (Quầy tiếp nhận và trả kết quả Sở Tư pháp)	04 giờ làm việc	04 ngày làm việc	Sở Tư pháp
Bước 2	Kiểm tra, xem xét hồ sơ; tra cứu hoặc soạn thảo Văn bản đề nghị Bộ Tư pháp tra cứu quốc tịch Việt Nam.	Phòng nghiệp vụ 2	02 ngày làm việc		
Bước 3	Ký duyệt Văn bản đề nghị Bộ Tư pháp tra cứu quốc tịch Việt Nam; văn bản đề nghị Công an tỉnh xác minh nhân thân người có yêu cầu	Lãnh đạo Sở Tư pháp	01 ngày làm việc		
Bước 4	Phát hành văn bản	Văn thư Sở Tư pháp	04 giờ làm việc		
Bước 5	Tra cứu và trả lời kết quả cho Sở Tư pháp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực, Bộ Tư pháp;</li> <li>- Công an tỉnh</li> </ul>	Trong vòng 45 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ Tư pháp: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp;</li> <li>- Công an tỉnh: 45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ Tư pháp;</li> <li>- Công an tỉnh.</li> </ul>

<b>Các bước thực hiện (Tổng bước)</b>	<b>Nội dung các bước thực hiện</b>	<b>Bộ phận giải quyết</b>	<b>Thời gian thực hiện các bước</b>	<b>Thời gian thực hiện tại từng cơ quan</b>	<b>Cơ quan thực hiện</b>
Bước 6	Xử lý văn bản	Văn thư Sở Tư pháp	01 giờ làm việc	03 ngày làm việc	Sở Tư pháp
Bước 7	Xử lý văn bản, chuyển Phòng nghiệp vụ 2	Lãnh đạo Sở Tư pháp	02 giờ làm việc		
Bước 8	Ghi vào Sổ cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam và soạn thảo Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam hoặc văn bản từ chối	Phòng nghiệp vụ 2	1,5 ngày làm việc		
Bước 9	Xem xét, ký Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam hoặc văn bản từ chối	Lãnh đạo Sở Tư pháp	01 ngày làm việc		
Bước 10	Vào sổ văn bản, đóng dấu, chuyển kết quả tới Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Sở Tư pháp), trả kết quả cho người yêu cầu	Văn thư Sở Tư pháp	01 giờ làm việc		
<b>10 bước</b>			<b>52 ngày làm việc</b>		

**PHỤ LỤC II**  
**DANH MỤC 12 THÀNH PHẦN HỒ SƠ PHẢI SỐ HOÁ CỦA 05 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**  
**TRONG LĨNH VỰC QUỐC TỊCH THEO QUY ĐỊNH TẠI THÔNG TƯ SỐ 01/2023/TT-VPCP**  
**THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYÊN QUANG**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 395/QĐ-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2025*  
*của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)*

STT	Tên Lĩnh vực/TTHC/Thành phần hồ sơ phải số hóa	
<b>1</b>		<b>Thủ tục Cấp giấy xác nhận là người gốc Việt Nam</b>
	1	Tờ khai đề nghị xác nhận là người gốc Việt Nam
	2	Tờ khai đề nghị xác nhận là người gốc Việt Nam dùng cho người đại diện theo pháp luật đề nghị cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam cho người được đại diện
	3	Kết quả giải quyết TTHC: Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam
<b>2</b>		<b>Thủ tục Nhập quốc tịch Việt Nam</b>
	4	Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam
	5	Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam dùng cho người đại diện theo pháp luật làm Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam cho người được đại diện
	6	Kết quả giải quyết TTHC: Quyết định cho phép nhập quốc tịch Việt Nam của Chủ tịch nước

STT	Tên Lĩnh vực/TTHC/Thành phần hồ sơ phải số hóa	
3		<b>Thủ tục Trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước</b>
	7	Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam
	8	Kết quả giải quyết TTHC: Quyết định cho phép trở lại quốc tịch Việt Nam của Chủ tịch nước
4		<b>Thủ tục Thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước</b>
	9	Đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam
	10	Kết quả giải quyết TTHC: Quyết định cho phép trở lại quốc tịch Việt Nam của Chủ tịch nước
5		<b>Thủ tục Cấp giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước</b>
	11	Tờ khai đề nghị cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt kèm
	12	Kết quả giải quyết TTHC: Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam

**PHỤ LỤC III**  
**DANH MỤC 02 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TÁI SỬ DỤNG**  
**(CÓ KẾT QUẢ LÀ THÀNH PHẦN HỒ SƠ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH KHÁC)**  
**TRONG LĨNH VỰC QUỐC TỊCH THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP**  
**TỈNH TUYÊN QUANG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 395/QĐ-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2025  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)*

<b>Tên TTHC có kết quả là thành phần hồ sơ của TTHC khác</b>		<b>Tên thủ tục hành chính</b>
1	Thủ tục: Nhập quốc tịch Việt Nam	Xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước
2	Thủ tục: Trở lại quốc tịch Việt Nam	Xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước